

## THỊ TRƯỜNG TRE NỬA Ở CHDCND LÀO

### MỘT NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP

#### PHẦN I: BỐI CẢNH

##### *Lịch sử của hiện trạng*

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (Laos) là một đất nước không có biển khu vực Đông Nam Á. Dân số Lào ít nhất trong tất cả các nước thuộc khu vực tiểu vùng sông Mekong và do đó cũng có mật độ dân số thấp nhất với chỉ 26 người/km<sup>2</sup>, chỉ bằng khoảng 1/10 mật độ dân số của Việt Nam, đất nước mà Lào có chung đường biên giới dài gần 2000 km ở phía đông. Phần lớn đất nước là vùng nông thôn với hầu hết dân số có cuộc sống phụ thuộc vào đất đai canh tác. Sử dụng lâm sản ngoài gỗ khá phổ biến và là một lĩnh vực quan trọng về mặt kinh tế. Với những lý do trên, có rất nhiều kỳ vọng về phát triển vai trò tiềm năng của thị trường lâm sản ngoài gỗ trong tăng trưởng cho đất nước Lào.

Tre nửa khá phổ biến ở Lào. Nó có thể được tìm thấy trên toàn bộ đất nước, công dụng và việc tiêu thụ tre nửa đã khá quen thuộc với người dân. Nó có nhiều lợi ích trực tiếp và gián tiếp về mặt kinh tế và môi trường: măng để làm thực phẩm, thân tre/nửa để xây dựng nhà cửa, làm đồ dùng trong nhà và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ; bảo tồn đất và nước; và giảm việc tiêu thụ gỗ củi. Các rừng tre nửa khá phong phú ở nhiều tỉnh của Lào. Tre nửa cũng được các nông dân trồng trong và xung quanh ở hầu hết các khu làng.

Mặc dù tầm quan trọng cao của tre nửa, việc chế biến chúng thành các sản phẩm thương mại là gần như chưa phát triển như là một hoạt động tạo thu nhập ở nông hộ hay là hoạt động kinh doanh. Trong bối cảnh có một lĩnh vực chế biến tre nửa cho việc tiêu thụ nội địa, nó chủ yếu dựa vào việc sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ và các hoạt động chế biến khác ở nông hộ, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn.

Một số nhỏ các hoạt động chế biến có tính chất thương mại hơn gần đây bắt đầu hoạt động xung quanh thủ đô Vientiane. Sản phẩm chủ yếu là phục vụ xuất khẩu và người sản xuất địa phương có vẻ như không có nhiều thu nhập từ việc này.

##### *Các đặc điểm kinh tế-xã hội của khu vực nghiên cứu*

Huyện Sangthong nằm cách Vientiane khoảng 75 km và là một trong những huyện nghèo nhất của khu vực Vientiane (xem bản đồ, hình 1). Diện tích khoảng 5.080 ha với dân số là 18.753 người. Huyện có 35 làng bao gồm 3,288 hộ với dân số trung bình là 6 người/hộ.

Huyện Sangthong là một trong những khu vực giàu rừng tre nửa tự nhiên nhất ở khu vực Vientiane, ước khoảng 3,600 ha (xấp xỉ 70% tổng diện tích tự nhiên). Tre phân bố rộng khắp trên vùng đồi, dọc theo các con sông và suối

Ả ghiên cứu này mô tả việc mua bán sản phẩm tre bắt nguồn ở các làng ả apo, Kouy và Houy Tom (xem bản đồ, hình 1). Sinh kế và các nguồn tài nguyên của 3 làng này được tóm tắt trong bảng 1.

**Bảng 1.** Tóm tắt các sinh kế và nguồn lực của 3 ngôi làng nghiên cứu

Thông tin	Làng ả apo	Làng Kouy	Làng Houy Tom
Dân số (Số hộ)	425 (86)	557 (107)	370 (64)
Thành phần dân tộc (% của dân số làng)	Phouan: 85% Khamu: 15%	Phouan: 95% Khamu: 5%	Phouan: 1% Khamu: 99%

Địa hình và thực vật	Dốc và rừng với diện tích tre tự nhiên lớn; vùng núi với độ che phủ rừng cao	Đất thấp và dốc và rừng với diện tích tre tự nhiên lớn	Dốc với diện tích tre tự nhiên lớn.
Cơ sở hạ tầng	Ấp nghèo, đường làng bụi bặm; không có điện; chỉ có trường tiểu học từ lớp 1-3 Có 2 ngôi đền	Ấp nghèo, đường làng bụi bặm; không có điện. Có trạm y tế và trường tiểu học	Đường làng bụi bặm, trường tiểu học từ lớp 1-3 Không có điện
Ấp nguồn thu nhập chính của nông hộ	Lúa, chăn nuôi, lâm sản ngoài gỗ và sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ từ tre	Lúa, chăn nuôi, lâm sản ngoài gỗ và tre nguyên liệu	Tre nguyên liệu, lâm sản ngoài gỗ, chăn nuôi và lúa

### ***Các quy định chính thức và không chính thức***

Chính phủ Lào ban hành một số quy định về việc khai thác tre nứa:

- Tre nứa chỉ có thể được lấy từ các khu rừng đã được phân bổ cho việc sử dụng của dân làng, không được phép khai thác từ rừng phòng hộ.
- Khối lượng khai thác phải tuân thủ theo hạn ngạch quy định của chính quyền.
- Không có cơ chế giám sát việc tuân thủ số lượng khai thác tại rừng và chỉ kiểm tra tại các chốt ở ranh giới giữa các huyện.

Việc mua bán một cách chính thức các sản phẩm tre nứa ở huyện Sangthon tuân theo hạn ngạch do văn phòng ấ ông Lâm ấ nghiệp Vientiane quy định. Trong năm 2005, hạn ngạch đã được quy định là 100.000 cây; năm 2006 là 50.000 cây. Ấp ngoài số lượng này, nhà máy sản xuất tấm tre sử dụng khoảng 20.000 cây, số còn lại được bán cho một số công ty sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ nhỏ ở khu vực thủ đô Vientiane.

Chính phủ đang dần dần giảm hạn ngạch cho phù hợp với chính sách hủy bỏ từng bước việc khai thác vì mục đích thương mại các sản phẩm tre nứa ở đô thị Vientiane vào năm 2010.

Mặc dù vậy, các cán bộ ở huyện Sangthon thừa nhận rằng việc khai thác tre ở khu vực này là khó kiểm soát. Ấp hằm thực hiện việc kiểm soát, chính quyền đã thiết lập một bán tre ở làng Sanod. Ấp hóm này cũng đồng thời thúc đẩy việc thu thuế

Chính quyền huyện đã thành lập một chốt kiểm soát tại Ban Kok Hae trên sông Mekong, nơi mà việc xuất khẩu tre và các sản phẩm tre nứa sang Thái Lan phải đăng ký và đóng thuế. Chốt kiểm soát biên giới được các cán bộ của phòng thuế vụ và thương mại huyện, phòng ấ ông Lâm nghiệp và cảnh sát quản lý.

Ấp gười dân ở làng Sanod đã từng bán các sản phẩm tre nứa tự do. Tuy nhiên, kể từ năm 2000, chính quyền huyện đã áp đặt việc bán sản phẩm tre nứa theo nhóm. Họ báo cáo kết quả mỗi tháng cho lãn đạo làng và huyện. Mặc dù họ được gọi là một nhóm, tám thành viên trong nhóm vẫn tiếp tục bán các sản phẩm của họ theo từng cá nhân.

Có 5 thương lái người Thái Lan mua sản phẩm từ nhóm này. Mỗi quan hệ của họ là khá tốt khi mà họ đã mua bán với nhau trong nhiều năm. Mỗi quan hệ này tốt đến mức thỉnh thoảng nó được mở rộng sang cả việc tín dụng.

### ***Các vấn đề về phát triển và môi trường***

ả hiểu người dân địa phương tin rằng các khu vực có tre phân bố tự nhiên đang suy thoái. Và điều này được cho là kết quả của việc khai thác quá mức và khai hoang để sản xuất nông nghiệp.

Kết quả của việc này là mức độ sẵn có của tre ở một số làng trong khu vực đang giảm xuống, và những người khai thác phải đi xa hơn. Trước đây tre có thể được khai thác trong cự ly khoảng 1 km tính từ làng nhưng hiện nay khoảng cách này đã lên đến 4 km.

Mối quan tâm của chính phủ đến các vấn đề môi trường có thể mang lại do việc suy giảm nguồn tre tự nhiên thể hiện qua việc ngăn cấm khai thác và tiến đến chấm dứt việc khai thác tre cho mục đích thương mại vào năm 2010 thông qua việc cắt giảm hạn ngạch.

Hạn ngạch của chính phủ không được dựa trên bất cứ quan sát thực tế nào về hiện trạng của nguồn tài nguyên này. Dựa vào các thông tin điều tra ở các địa điểm khác và các quan sát trên hiện trường, nhóm nghiên cứu ước đoán rằng sản lượng trung bình của tre ở Sangthong ít nhất phải là 10.000 cây/ha/năm. Với diện tích là 3600 ha, rừng tre ở huyện Sangthong có thể sản xuất ít nhất 36 triệu cây tre hàng năm. Sản lượng khai thác hiện tại là 370.000 cây/năm chỉ chiếm khoảng 1% trên tổng sản lượng có thể khai thác, hay nói một cách khác, thực sự không có vấn đề gì về tính bền vững của nguồn tài nguyên này.

## PHẦN 2: PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG

### *Trồng và khai thác*

Có 6 loài tre mọc ở huyện Sangthong, mỗi loài đều có một số công dụng cũng như lượng sử dụng nó (xem bảng 2).

Các làng trọng tâm có một truyền thống lâu đời sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ và với các kỹ năng đặc biệt trong việc sản xuất các hàng rào bằng tre, các tấm đệm tre để phơi thuốc lá, phen, tấm lợp tre, rổ và các đồ thủ công mỹ nghệ khác.

**Bảng 2.** Các loài tre ở huyện Sangthong.

Tên (Lào)	Tên Việt I am	Tên khoa học	Công dụng chính
Mai Phang	Mạnh tông râu	<i>Dendrocalamus lonoifimbriatus</i>	Tấm phơi, rổ, măng (ăn)
Mai Hia		<i>Schizostacchium virgatum</i>	Tấm phơi, rổ, măng (ăn)
Mai Lai	Mây lay	<i>Oxythenanthera albociliata</i>	Măng
Mai Sod	Mây loi	<i>Oxythenanthera parvifolia</i>	Rổ, tấm phơi, măng
Mai Bong	Mây bong	<i>Bambusa tulda</i>	Rổ, măng
Mai Loh		<i>Dendrocalamus pendulus</i>	Rổ

Thu hoạch tre (cây) chủ yếu do nam giới đảm trách trong khi đó, thu hái măng chủ yếu do phụ nữ, trẻ em và người già thực hiện. Vì măng được thu hái chủ yếu để tiêu thụ trong địa phương nên nghiên cứu này tập trung vào tre cây do nam giới thu hoạch.

Các cây tre được thu hoạch dựa vào tuổi và kích cỡ của chúng. Chỉ những cây tre hơn 2 năm tuổi (hay đường kính đạt 5 cm) được chặt cho mục đích thương mại. Một người đàn ông có thể chặt được 100 cây tre trong một ngày, tùy thuộc vào loài tre. Anh ta cũng có thể vác được 3 cây tre Mai Phang trên vai hay 5 đến 6 cây tre Mai Hia một lần. Khoảng cách từ chỗ khai thác đến nơi chế biến hay tập trung vì vậy khá quan trọng trong việc quyết định tổng sản lượng trong một lần mang vác. Tất cả tre được thu hoạch trong phạm vi không vượt quá 30 phút đi bộ từ làng hay sông, nơi mà tre có thể được thả trôi xuôi dòng về làng.

Tre có thể được khai thác quanh năm, nhưng khai thác nhiều nhất vào mùa mưa từ tháng bảy đến tháng 10 vì nó dễ dàng hơn thả trôi xuôi dòng sông hay suối đến các chợ ở Vientiane. Thân tre để

đạn các tấm phơi và rổ chú yếu được khai thác trong mùa khô khi mà người dân có nhiều thời gian cho việc này hơn sau mùa vụ trồng lúa từ tháng 11 đến tháng tư.

Ở thời điểm thực hiện nghiên cứu có sự lan rộng của hiện tượng nở hoa của Mai Hia, điều này sẽ làm cho tre chết. Khu vực bị ảnh hưởng sẽ cần tới 4-5 năm mới có thể phục hồi lại hoàn toàn. Ảnh hưởng của hiện tượng tự nhiên này có liên quan đến sự bền vững của sản phẩm, đã rơi vào các điểm khác nhau trong chuỗi thị trường. Hiện tượng nở hoa của tre xảy ra với các chu kỳ khác nhau cho các loài khác nhau. Đối với Mai Hia, hiện tượng này xảy ra khoảng 30 năm một lần.

Ị am giới thường chặt hạ tre bằng dao lớn và búa. Phụ nữ hỗ trợ cắt và phân đoạn thân tre thành các đoạn ngắn hơn theo yêu cầu của việc sản xuất các sản phẩm khác nhau.

### **Sản phẩm, nguồn và số lượng**

Bảng 3 cho thấy các sản phẩm, nguồn chủ yếu và số lượng được sản xuất ở ba làng của huyện Sangthon. Các thông tin thu được ở làng cho thấy các nông hộ có thể thu nhập trung bình 3.500.000 đến 4.000.000 triệu kip<sup>1</sup>/năm từ các sản phẩm tre nứa.

Trong tất cả các làng, làng Ị apo chế biến nguyên liệu tre thô thành các sản phẩm khác nhau. Số liệu ở bảng 4 là các sản phẩm được sản xuất theo loại của các loài tre và khối lượng bán của loại sản phẩm của người dân làng Ị apo

Bảng 3. Các đặc điểm chủ yếu của sản phẩm tre nứa ở các làng được tập trung.

Hạng mục	Làng Ị apo	Làng Kouy	Làng Houy Tom
Sản phẩm tre nứa	Phên vách, tấm lợp, rổ và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ khác	Tre và rổ	Tre
Sự tham gia	Tất cả các nông hộ đều tham gia đan lát trong mùa khô	Có 45 gia đình bán tre, tất cả đều tham gia khai thác	Tất cả các nông hộ đều khai thác ; có 4 hộ là người buôn bán tre nứa
Ị nguồn (khai thác)	Trong phạm vi 1 km trong làng	Cách làng 200 mét	Không 30 phút đi bộ từ bờ sông
Số lượng	10.000 – 15.000 cây/năm Một người có thể chặt được 100 cây/ngày	20.000 cây/năm (80% được bán không qua chế biến) Một người có thể chặt được 50 cây/ngày	70.000 cây/năm

Bảng 4. Các sản phẩm được người dân làng Ị apo sản xuất

Sản phẩm	Kích cỡ	Số lượng tre sử dụng/sản phẩm	Số lượng bán/hộ
Tấm phơi thuốc lá, sản xuất từ Mai Hia và Mai Phang	70x170 cm	1-2	300 tấm/năm
Tấm phên dùng trong xây dựng nhà, sản xuất từ Mai Hia	200x300 cm	10-15	30 tấm/năm
Tấm phên để làm hàng rào, sản	170x170 cm	10	Biến động khác nhau

<sup>1</sup> Kíp: đơn vị tiền tệ của Lào (Ị D)

xuất từ Mai Hia			
Tấm lợp tre	20x60 cm	10 tấm/1 cây	Biến động khác nhau

Dựa trên số lượng hàng hóa mua bán được ghi nhận trong 9 làng vào năm 2005, nhóm nghiên cứu ước đoán rằng các sản phẩm thể hiện khoảng 370.000 cây tre và 62 tấn (bảng 5). Con số này chỉ đại diện cho 1 tỷ lệ của tổng số sản phẩm từ huyện Sangthon, nhưng nó đã nhiều hơn 6 lần hạn ngạch là 50.000 cây tre cho phép khai thác hàng năm.

Bảng 5. Ước đoán sản phẩm tre nứa từ các làng I apo, I ong Boa, Taohai, I atan, Partaep, I apho, I asa, Sanod và Kokhae trong năm 2005.

Sản phẩm	Số lượng bán, 2005	Số cây tre sử dụng/1 đơn vị sản phẩm	Số lượng cây tre sử dụng được suy ra từ sản phẩm
Tấm phen tre sản xuất từ Mai Hia	26.000 tấm	10	260.000
Tấm phơi thuốc lá sản xuất từ Mai Hia và Mai Phang	52.000 tấm	2	104.000
Tấm phen dùng làm hàng rào từ Mai Phang	600 tấm	6	3.600
Giỏ nhốt gà từ Mai Hia	600 cái	3	1.800
Giỏ đựng trứng từ Mai Hia	700 cái	1	700
Giỏ đựng cây giống	100 cái	1	100
Tấm nhang từ Mai Hia và Mai Phang	52 tấn	1.2 tấn	62.4 tấn
Tổng số lượng nguyên liệu thô sử dụng	370.000 cây tre và 62.4 tấn		

### ***Các nhân tố thị trường***

#### ***Market Actors***

I hững người hoạt động chính trong chuỗi thị trường tre nứa ở Lào là nông dân, ‘người thu gom’, các nhà máy những nhà kinh doanh ở địa phương và nước ngoài. I ông dân chủ yếu tham gia trong công việc khai thác và sản xuất phen tre, trong khi đó, những người khác lại tham gia vào việc phân loại, bảo quản, chế biến và vận chuyển ở các mức độ khác nhau. Mỗi một giai đoạn được thảo luận chi tiết dưới đây.

#### **I hững người sản xuất/khai thác ở trong làng**

I hư đã trình bày trong các bảng từ số 3 đến số 5, người dân là nguồn cung cấp cả hai nguồn là nguyên liệu thô và sản phẩm. I am giới thường thực hiện công việc khai thác trong khi nữ giúp các công việc cắt nhỏ các cây tre theo kích thước yêu cầu cho việc sản xuất các sản phẩm khác nhau.

Làng I apo có mối quan hệ khá khác biệt với thị trường tre nửa bên ngoài hơn Kouy hay Houy Tom. I hư bảng 4 cho thấy, người dân làng I apo chế biến tre nguyên liệu thô thành các tấm phen và các sản phẩm khác và bán các sản phẩm này cho các thương lái địa phương, chủ yếu là đến từ làng Sanod (xem bản đồ, Hình 1), mặc dù khoảng 10% các sản phẩm do họ sản xuất cũng được bán tại làng cho khách hàng địa phương và khách vãng lai.

I người dân làng Kouy và Houy Tom thu gom tre cây ở rừng để bán cho các trung gian “thu gom”, những người sẽ bán tre này cho các thương lái địa phương và nhà máy sản xuất tấm rǎng ở Vientiane. Houy Tom được nhìn nhận là làng sản xuất tre lớn nhất ở trong huyện.

I hìn chung, nghèo thường là nguyên nhân khiến dân làng chấp nhận giá thấp nhất từ người mua và nó cũng cản trở người năng lực của họ trong việc cải tiến kỹ thuật chế biến. I ghèo cũng là lý do làm gia tăng khả năng người dân liên quan đến những hoạt động phi pháp và khai thác không bền vững.

### Thương lái

Có ba nhóm thương lái được xác định ở trong chuỗi thị trường ở Sangthon. I hóm đầu tiên là thương lái địa phương, chủ yếu đến từ làng Sanod, những người mua các sản phẩm tre nửa hoàn chỉnh từ những người sản xuất ở làng I apo.

Khối lượng mua bán giữa làng I apo và Sanod là khá đáng kể. Trong năm 2005, xấp xỉ 25.800 tấm phen phơi thuốc lá và 2.580 tấm phen vách đã được bán cho các thương lái ở Sanod. Khối lượng này thể hiện cho toàn bộ sản lượng trong năm của sản phẩm đầu ra đối với hai sản phẩm này của làng I apo.

Các thương lái làng Sanod bán sản phẩm cho nhóm thứ hai - thương lái người Thái Lan- những người đến lượt mình lại giới thiệu sản phẩm đến thị trường nội địa của chính mình. Mặc dù không biết lý do, nhưng hầu hết nhu cầu về sản phẩm tre nửa từ thương lái người Thái Lan rơi vào thời điểm từ tháng Giêng đến tháng tư và từ tháng chín đến tháng mười mỗi năm.

I hóm thứ ba gồm bốn “thương lái”, những người mua nguyên liệu thô có nguồn gốc ở Kouy và Houy Tom từ những người thu gom địa phương. I hững thương lái này bán một số tre nguyên liệu cho nhà máy sản xuất tấm rǎng và chế biến một ở Vientiane thành phen vách, phen làm hàng rào, rổ và tấm che. I hững sản phẩm này được bán trực tiếp đến người tiêu thụ ở thủ đô.

### I hà máy chế biến

I hà máy Panthavong gần Vientiane chế biến tre thành tấm rǎng và que xiên thịt và que kem . Các sản phẩm này được bán cho các khách hàng trong nước. Tre phế liệu từ quá trình sản xuất tấm rǎng được bán cho một nhà máy ở huyện I axaythong để sản xuất giấy vàng mã.

Trong năm 2005, nhà máy tấm rǎng đã mua khoảng 20.000 cây tre từ làng Kouy và Houy Tom.

Hầu hết các thương lái và nhà chế biến là các doanh nghiệp nhỏ khoảng 5 năm kinh nghiệm trở lên. Một số là nông dân, trong khi số khác là những cán bộ nhà nước về hưu. Không ai trong số họ được đào tạo về kinh doanh một cách chính thức và vì vậy có rất nhiều điểm yếu trong hoạt động kinh doanh của họ.

### ***Chi phí giao dịch***

Một số chi phí giao dịch phải gánh chịu ở các giai đoạn khác nhau trong chuỗi thị trường, hai trong số đó có ảnh hưởng đáng kể đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận.

Đầu tiên là chi phí vận chuyển. Đường giao thông ở Lào nhìn chung có chất lượng thấp, và xe gắn máy là phương tiện được sử dụng phổ biến hàng ngày. Vận chuyển bằng đường sông cũng là một lựa chọn hấp dẫn, mặc dù nó bị hạn chế bởi mức nước theo mùa và chi phí nhiên liệu (trong

trường hợp sử dụng tàu thuyền có động cơ). Chi phí có liên quan đến việc vận chuyển tre và các sản phẩm của 3 làng được trình bày trong bảng 6.

Cùng với chi phí vận chuyển, các chi phí khác phải gánh chịu trong chuỗi cao hơn và nghiên cứu này không đề cập đến, mặc dù các nhà nghiên cứu ghi chú rằng việc vận chuyển qua sông Mekong để xuất khẩu tấm phen từ làng Sanod đến Thái Lan tốn khoảng 2 baht Thái (baht<sup>2</sup>) hay khoảng 540 kip Lào trên một sản phẩm (một baht chi phí cho tàu thuyền và một baht chi phí cho công lao động).

Chi phí giao dịch đáng kể thứ hai là thuế. Tương tự nhiều quốc gia đang phát triển khác, Lào vật lộn với một nền hành chính quá phức tạp và không hiệu quả. Tác động chủ yếu của điều này đối với những người kinh doanh và chế biến (các sản phẩm tre nứa) là một dãy các loại thuế không rõ ràng, và một số là ‘không chính thức’.

Các loại thuế bao gồm thuế quản lý địa phương hay các khoản thu dịch vụ, thuế tài nguyên, phí ‘phục hồi rừng’, phí cho làng và thuế giá trị gia tăng. Các loại thuế này được áp đặt ở cả hai cấp huyện và tỉnh và được đóng tại làng và các chốt kiểm soát.

Bảng 6. Chi phí vận chuyển trong chuỗi thị trường tre nứa ở các làng nghiên cứu

Làng	Phương tiện vận chuyển và chi phí
I apo	Hầu hết được vận chuyển bằng xe động cơ diesel và xe moóc, tải trọng khoảng 15 tấm phen lớn/chuyến ; Chi phí gồm có 15.000 kip dầu ; 60.000 tiền đi và về từ Vientiane bằng taxi ; không gồm tiền công lao động
Kouy	Đa phần vận chuyển bằng đường sông về Vientiane Mùa khô : 100/150 cây/bè, mất 4 ngày Mùa mưa : 500 cây/bè, mất 2 ngày Xe : 800 -900 cây ; 700.000 kip/chuyến
Houy Tom	Hầu hết vận chuyển bằng đường sông về Vientiane, các bè từ 2-3000 cây được kéo bằng thuyền có động cơ với giá 150.000 kip/bè (được lấy cách Vientiane 5 km)

Hầu hết những người kinh doanh hay thu gom, vận chuyển bằng đường sông hay đường bộ cũng đều phải trả những khoản tiền ‘phạt’ không có chứng từ ở các chốt cảnh sát hay các chốt kiểm soát lâm nghiệp, không liên quan đến sự hợp pháp của hàng hóa vận chuyển. Khoản tiền này bảo đảm cho hàng hóa được qua trạm nhanh chóng, do vậy người kinh doanh sẵn sàng chi trả các khoản này.

Gánh nặng về thuế khóa được minh họa bằng nhiều hình thức thuế chính thức và không chính thức xảy ra cùng với chuỗi thị trường từ người dân ở Kouy và Hout Tom (hình 3). Tích lũy dần dần, thuế thêm vào một cách đáng kể chi phí cho tre và các sản phẩm tre và đồng thời làm thấp giá mà thương lái có thể trả người sản xuất. Không phải lúc nào chúng ta cũng biết rõ ai là người hưởng lợi từ thuế. Mỗi một huyện tuân theo các quy định và các thủ tục do chính họ ban hành. Không có cơ chế để giải quyết trường hợp quá nhiều quy định bằng cách cân đối thuế hay tổ chức hợp lý các thủ tục. Tất cả môi trường chính sách phức tạp đang trở thành một trở ngại cho sự phát triển của lĩnh vực tư nhân đối với các hoạt động sản xuất liên quan đến tre nứa. Chính quyền cấp huyện nên quan tâm đến các giải pháp để thúc đẩy thương mại đối với tre nứa.

<sup>2</sup> Baht: đơn vị tiền tệ của Thái Lan (I D)

## ***Tín dụng***

### ***Credit arrangements***

Các thương lái ở Sanod thường phải đợi các thương lái người Thái sản phẩm trước khi họ được thanh toán đối với sản phẩm tằm phên. Thực tế, họ cho biết bạn hàng người Thái thường xuyên nợ họ và thường mất 1 đến 2 tháng sau khi giao sản phẩm để nhận được tiền thanh toán đầy đủ. Điều này có thể được nhìn nhận như là một loại của tín dụng mà các thương lái người Lào trao cho các đồng nghiệp người Thái. Tuy nhiên, một số người mua khác thỉnh thoảng đặt cọc tiền trước với một nhóm cho việc giao hàng. Các nhóm thương lái giải thích rằng đó chính xác là một hiện trạng tín dụng phụ thuộc vào xu hướng trong cung và cầu sản phẩm.

### ***Nguồn thông tin thị trường***

Dân làng thu nhận phần lớn thông tin thị trường của họ từ những người thu gom và thương lái ở thời điểm mua bán và do đó thông tin không nhạy cảm đối với thị trường và sự biến động của giá cả. Ít hững người thu gom mua tre theo phẩm chất của nó.

Mặt khác, các thương lái và nhà chế biến có tiếp cận tốt hơn đến thông tin thị trường và biết chi phí và lợi nhuận ở mỗi điểm kết nối của chuỗi thị trường. Họ cũng biết được cái rủi ro mà họ đối mặt.

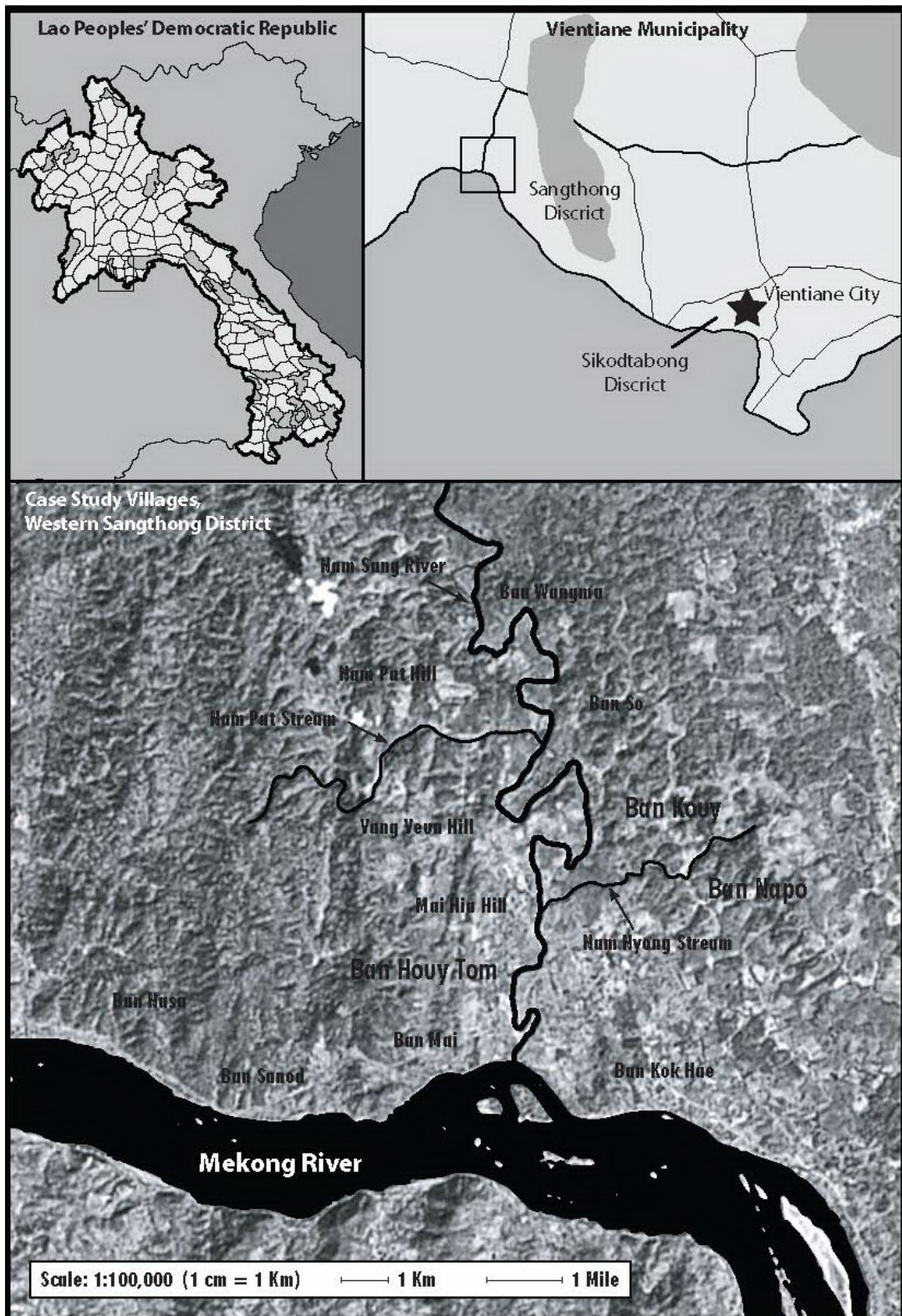
Thiếu thông tin về nguồn tài nguyên tre và các lựa chọn phát triển hướng tới các nhà đầu tư lớn hơn, những người có thể tạo ra các giá trị thêm vào bằng cách thiết lập các nhà máy chế biến tre. Có sự tăng trưởng của thị trường toàn cầu về các sản phẩm tre làm sàn nhà. Ít hu cầu phát triển hệ thống thông tin thị trường để có thể liên kết kinh doanh và nguồn dữ liệu từ các huyện và tỉnh đến thị trường quốc tế.

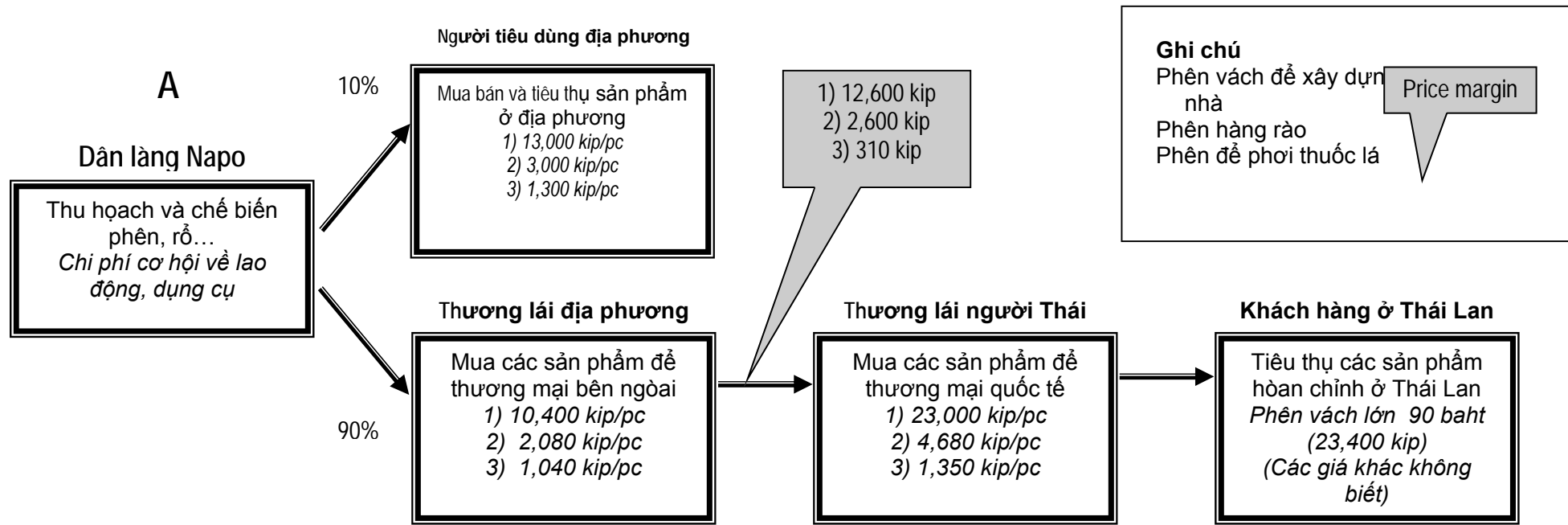
## **Câu hỏi gợi ý**

1. Mô tả sự khác biệt chủ yếu trong chuỗi thị trường tre nửa giữa các làng I apo và Kuoy và Houy Tom. Điều gì có thể là các yếu tố giải thích cho sự khác biệt đó?
2. Các hình thức của giá trị thêm vào trong chế biến tre được thực hiện ở huyện Sangthon là gì? Các quá trình tạo ra giá trị thêm vào nào người dân nên thực hiện để tạo ra thêm thu nhập?
3. Ít hững trở ngại của việc thực hiện hạn ngạch khai thác tre? Hạn ngạch có nên được duy trì? Và nếu không, các lựa chọn khác là gì?
4. Ít hững kiến nghị nào có thể đưa ra cho các bên liên quan khác nhau nhằm cải thiện chuỗi thị trường tre nửa ở huyện Sangthon?

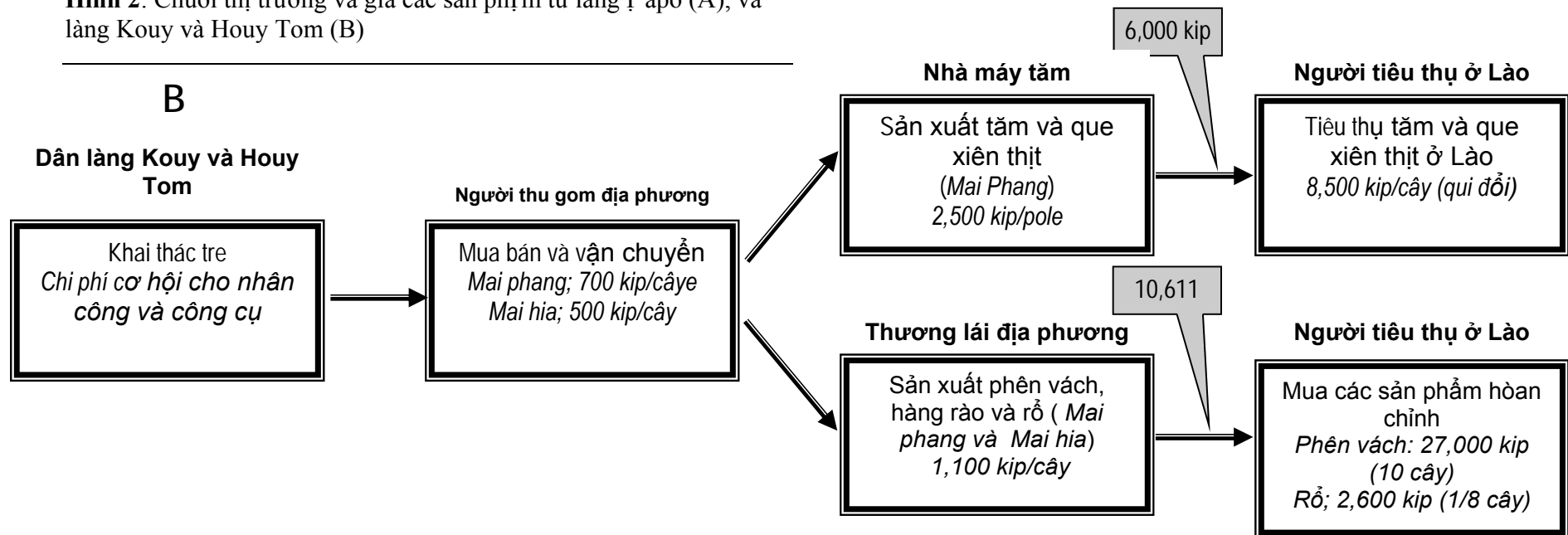


Hình 1. Bản đồ vị trí các điểm nghiên cứu ở khu vực Vientiane, Lào





**Hình 2:** Chuỗi thị trường và giá các sản phẩm từ làng Napo (A), và làng Kouy và Houy Tom (B)



**Hình 3:** Các loại thuế chính thức và không chính thức trong chuỗi thị trường từ làng Kouy và Houy Tom

